

PHÁC THẢO CHÂN DUNG VĂN HỌC TẢN ĐÀ*

NGUYỄN KHẮC XƯƠNG

1 — TẢN ĐÀ VỚI NÚI TẢN SÔNG ĐÀ

Quê hương Tản Đà, một làng bé nhỏ, làng Khê Thượng ở bên sông Đà phía tây bắc là sông và phía đông nam là núi Tản. Sông Đà ngày đêm mãi miết chảy qua làng:

Chúng thủy giai đông lưu

Đà giang độc bắc lưu

(Các sông đều chảy về đông)

Sông Đà riêng một, ngược dòng bắc lưu)

Sông Đà quãng gần làng Khê đột ngột chuyển dòng ngược về bắc tạo thành một khúc gãy đẽ rời về ngã ba Hạc châu đều Hùng mộ Tổ.

Sông Đà ai vượn một dòng quanh

(Chơi Hòa Bình)

Từ làng Khê nhìn về núi Tản mỗi sớm mỗi chiều nắng trong, mây quang cứ như núi sừng sững ngay đầu làng. Đây là ngọn núi thần kỳ, nơi ngự trị của thần Tản Viên đứng đầu thần điện người Việt cổ, là núi chủ của nước Văn Lang thời Hùng Vương, trán sơn của gang sơn Đại Việt, chót vót ba đỉnh nên có lên Ba Vì, hình tròn như cái tán nên có tên Tản Viên.

Từ năm 1912 núi và sông quê hương đã đi vào thơ Tản Đà

Vùng đất Sơn Tây này một ông

Tuổi chưa bao nhiêu vẫn rất hùng

Sông Đà núi Tản ai hun đúc

Bút Thánh câu Thần sớm晚 vung...

Lên châu Trời, Tản Đà xưng danh với Trời cũng với tấm lòng tự hào về sông núi quê hương:

- Dạ bẩm trời con xin thưa

Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn

Quê ở Á châu về địa cầu

Sông Đà núi Tản nước Nam Việt

Nhờ sinh Nguyễn Khắc Hiếu với những bài văn đầu tiên trên tờ *Đông Dương tạp chí* năm 1915 vẫn chưa có một tự hiệu và chỉ năm sau, 1918, mới

* Đây là hai phần trích trong « Phác thảo chân dung văn học Tản Đà »

xuất hiện lần đầu trong văn đàn cái tự hiệu *Tản Đà* với các bài in trên ĐĐTĐC được đặt thành mục riêng «*Tản Đà văn tập*».

Văn chương thời nôm na

Thú chơi có sơn hà

Ba vì ở trước mặt

Hắc quang bên cạnh nhà :

Tản Đà

Những văn nôm na sớm bộc lộ một bản ngã ngông ấy trong *Khối tình con I* (1916) cho biết tự hiệu *Tản Đà* bắt nguồn từ cảm hứng nào.

Mạch nước sông Đà tim róc rách

Ngân mây non Tản mắt lơ mơ...

Đó là tình quê. Nước sông nghe róc rách trong tim, nghe thấy ông *Đà* trong tim trong máu vì đây là dòng sông quê hương và mắt nhà thơ cứ «*lơ mơ*» ngăm nhìn ngân mây non Tản. «*Mắt lơ mơ*» là mắt của thi hứng, của những ý nghĩ mông lung, đó là mắt mọng mắt mơ của tình quê rào rạt. Núi Tản sông *Đà* đem lại cho nhà thơ những tình cảm man mác mà cũng thật thấm thiết như tình yêu lứa đôi

Đỉnh non Tản mây trời man mác

Dải sông Đà bọt nước lành lành

Bao nhiêu cánh bầy nhiều tình

Nước kia mây nọ như mình với ta

(Thư trách người tình nhân không quen biết)

Sông *Đà* núi Tản bao lần nâng cánh tâm hồn, dâng lên tình cảm lạc quan, lòng tin vào cuộc đời và chính mình:

... *Nước rợn sông Đà con cá nhây*

Mây chùm non Tản cái điều bay

Nặng như quả đất mà quay được

Cao đến ống trời khó với thay

Trời đất cá chim đều tự đắc

Ở đời ai dễ chẳng vung tay

(Quê nhà chơi mát cảm hứng)

Dù cho đau buồn về thân thể, tề tái về nỗi đời nhưng núi Tản sông *Đà* đã là động lực kích thích trí hăng hái, tinh thần tiến thủ của nhà thơ, nâng đỡ nhà thơ trên con đường chông gai của sự nghiệp văn chương:

«*Tôi ngoảnh mặt vào trong đê, trông lên trên ngọn núi Tản lại quay mặt ra ngoài đê, nhìn xem một dải hắc giang, tưởng nhớ đến hai câu của cổ nhân viết cho tôi trong bức thư thời cái hứng tưởng của tôi về văn chương lại có như đá vọt như nước tuôn mà muốn buồn lại không buồn, muốn chán lại không chán*» (GMC).

Yếu quê hương mình với núi Tản, sông *Đà*, Tản *Đà* đã từ đó mở rộng, nâng cao thành tình cảm thiêng liêng: tình yêu Tổ quốc. Núi Tản sông *Đà* từ hình tượng biểu tượng của quê hương chuyển thành hình tượng trung tâm trong thơ văn Tản *Đà* với ý nghĩa là biểu tượng của Tổ quốc.

Thề non nước ra đời cũng là từ những buổi chiều dạo chơi trên con đê làng mà cảm xúc với núi Tản sông Đà. Tản Đà viết trong *Giấc mộng lớn*: «Hằng khi dưới bóng tà dương, một mình dạo chơi bên con đường đê cao, bên sông Đà, bên kia núi Tản, một mối cảm tình thanh thượng lơ thơ như tơ liễu chiều xuân. Cái tiêu thuyết *Thề non nước*:

Nước đi đi mãi không về cùng non

vấn ý thực phát sinh trong lúc ấy»

Nhưng tiêu thuyết được sáng tác sau bài thơ và sáng tác đề tên bài thơ lên như Tản Đà thuật lại trên báo *Ngày Nay* số 143 - 1938 /

«Nguyên thực thời nhân trong khi tôi ở quê, hồi tôi đương soạn các sách «Lên sáu», «Lên tám», «Đài gương» (1918-1920)v.v..., mỗi buổi chiều thường lên chơi quãng đê cao trên đầu làng. Một bên là sông Đà, một bên là núi Tản. Về bên kia sông Đà cũng liên miên những núi gần xa cao thấp không biết là bao nhiêu. Mỗi buổi chiều tôi đi chơi như thế, một mình thơ thẩn, hằng từ khoảng tà dương nhất bóng cho đến lúc trẻ chân trâu bò đã về hết. Cái thời gian đó cũng khá lâu mà bài văn đây tức là chứa những cái cảm tưởng của các buổi chiều mà rồi sau nghĩ viết ra vậy. Khi đã viết xong riêng bụng nghĩ thực có coi hơn mọi bài khác, e rằng nếu in chung vào một cuốn văn nào đó không chắc có được độc giả trịnh trọng hay cũng chỉ coi thường mà thôi. Nhân được ngày giả ở thôn quê dài rộng cho nên vì bài lục bát viết thành một thiên tiêu thuyết ngắn, mượn câu chuyện giai nhân tài tử ở Bình Khang để chép lời phong nguyệt mà gửi lời non nước (NKX nhấn)

Truyện «*Thề non nước*» ra đời nguyên ủy là như thế.

Lời đề dẫn về bài thơ in trong số báo của tòa soạn *Ngày Nay* có viết: «*Thề non nước* có lẽ là một thiên tiêu thuyết hay nhất, sâu sắc nhất của Tản Đà. Nhưng chúng ta sẽ kinh dị biết bao khi đọc bài dưới đây và thấy tác giả chỉ mượn tiêu thuyết để giới thiệu một bài thơ...»

Nước non nạng một lời thề

Nước đi, đi mãi, không về cùng non.

Nhớ lời «nguyện ước thề non»

Nước đi chưa lại, non còn đứng không...

Tâm sự Tản Đà với Đất nước là tâm sự thầm kín u buồn của người dân vong quốc chưa nhìn ra được hướng đi tới. Tản Đà trần trở đến day dứt nỗi đau đẽ cũng như Khuất Nguyên xưa buồn ra những khúc Ly Tao chan chứa tình hoài cố quốc. Non Tản sông Đà tạo nên nguồn thi cảm với ý nghĩa biểu tượng trang nghiêm và đau buồn của đất nước và biểu tượng đó hiện diện ở hầu hết những vần những trang thơ giải bày tâm sự «vong quốc hận» ở Tản Đà.

Đêm năm canh

Lạy năm canh

Nỗi niềm non nước

Đố ai quên cho đành

(GMC)

Nhà thơ bản khoán:

Mưa xuân Hồng Lạc tươi màu

Bức tranh mưa gió riêng đầu lòng ai

Năm châu xa lắc đường dài
Nước non biết có ai người đầu binh?

Nhưng cũng như đồng bào mình, Tấn Đà vẫn tin rằng « nước » không đi mãi, « nước » không mất được mà sẽ có ngày về :

Non xanh đã biết hay chưa
Nước đi ra bề lại mưa về người.
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chớ có buồn làm chi
Nước kia dù hãy còn đi
Ngán dàu xanh tốt non thì cứ vui
Nghìn năm giao ước kết đôi
Non non nước nước không người lời thề

II. TẤN ĐÀ - NHÀ THƠ CỦA SỰ LÊN ĐƯỜNG

Trời sinh ra bác Tấn Đà
Quê hương thời có, cửa nhà thời không
Nửa đời Nam Bắc Tây Đông
Bạn bè sum họp, vợ chồng biệt ly
Túi thơ đeo khắp ba Kỳ
Lạ chỉ rừng biển, thiếu gì gió trang

(Thú ăn chơi)

Đây là giọng ngóng và chênh choáng say của một « giang hồ khí cốt », khát vọng không gian, luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu di chuyển, không thể không đi cũng như không thể không ngóng, không thể không say. Đó là « chất Tấn Đà », là Tấn Đà trong cuộc sống và trong văn học.

Đây là khát vọng của một bản ngã ngang tàng phóng khoáng không chịu nổi sự tù túng, trạng thái ngưng đọng, trôi mình trong một không gian quen thuộc, trong yên ổn giam hãm. Tấn Đà viết: « Khi còn ở nhà quê, nghe nói nhiều người ở cạnh làng suốt đời chân không bước đến tỉnh, lấy làm thương, lấy làm buồn cười » (GMC). Bản ngã này nhận thức rằng xê dịch trong phạm vi toàn quốc cũng còn là chật hẹp, chưa « đã » cơn nghiện đi: « Người con trai có cái thân sinh vào đời này như chúng ta, nếu không qua chơi Ấy châu, qua Phi, Mỹ, bắc thăm Bắc cực vượt Băng dương, đông lướt Thái Bình dương, nam tới Úc - đại - lý thời nào được là vạn lý mà lấy gì làm xa? Còn như trong một nước, người ở xứ này qua xứ nọ, Trung ra Bắc, Bắc vào Nam thì cũng như trong một làng người ở xóm trên xuống xóm dưới, ở xóm dưới lên xóm trên không những không lấy gì làm xa mà sao gọi được là chơi! »

(Chơi còn chơi).

Cho nên Tấn Đà đã ôm ấp mộng tưởng đi chu du khắp thế giới và xây dựng một câu chuyện phiêu lưu mộng tưởng khi tự thân không có điều kiện thực hiện.

Lưu Trọng Lư thuật lại: « Tôi còn nhớ cách đây mấy tháng, tiên sinh trong một bữa rượu có nói với chúng tôi một câu ! ... tôi sẽ học chữ Nhật, chữ Pháp và tôi sẽ đi du lịch ngoại quốc, tôi sẽ học những cái hay của người nước ngoài để về giúp đồng bào » (Tao đàn, số Tân Đà - 1939)

Phóng viên Văn Bình báo Ngày Nay viết về dịp Tân Đà về Thái Bình theo lời mời của Hội trí thức địa phương thuật lại cuộc phỏng vấn trong đó nhà thơ nói về dự định chu du thế giới với một phong thái hào hùng lãng mạn và cũng rất ngông:

« Tôi đang tổ chức một đoàn du lịch (thực ra mới là ý định) lấy tên là *Hồng Bàng dân tộc, Tân Đà du lịch đoàn*. Trong đoàn ấy chỉ chọn lấy mười người thôi. Mười người thật xuất sắc về mọi phương diện, trong đó phải có đủ cả thầy thuốc, võ sĩ, văn sĩ, kịch sĩ, thợ thuyền, đi đến đâu làm lấy mà ăn và đi toàn bằng tàu bay cả.

— Hình như thi sĩ quên mất phi hành gia thì phải.

— Có chứ, phải có hai phi hành gia ngay trong bọn mình để nhờ một người say rượu hay nhưc đầu xô mũi đã có người thứ hai thay ngay. Nhưng theo ý tôi thì cần nhất là võ sĩ. Võ sĩ cũng phải có hai: một chành du côn, một phó du côn tuyệt hướng. Đến đâu có người sinh sự là ta giữ võ choang liền để cho ngoại quốc biết dân Việt Nam không phải là hèn kém gì » (Ngày Nay số 147 - 1939)

Dành rằng đây là những lời nói ngông nhưng cũng biểu hiện một khát vọng mà Tân Đà ấp ủ đã rất lâu, ngay trong tuổi thanh niên và với tác phẩm đầu tay. Đó là *Giấc mộng con I* soạn trong các năm 1915—1916, một giấc mộng lãng du mà là lãng du khắp thế giới trong lúc chính tác giả đang « nằm co xỏ rùng » ở một góc huyện miền núi Thanh Sơn mà hồi đó còn là châu, thuộc tỉnh Phú Thọ

Tân Đà nói về mình:

Nửa đời Nam Bắc Tây Đông

Bạn bè sum họp, vợ chồng biệt ly...

Quả có như thế. Vì suốt đời lang thang nay đây mai đó cho nên « vợ chồng biệt ly » còn « bạn bè sum họp » vì những chuyến lên đường của Tân Đà không mang hương vị ngậm ngùi của cô đơn mà là ngao du « bán rượu túi thơ » trong niềm vui bè bạn.

« Vợ chồng biệt ly » là lời nói chân thực về đời mình, về tình cách độc đáo của lãng tử, đối lập giữa quan hệ vợ chồng và quan hệ bạn bè trong cuộc sống bình thường. Tân Đà rất coi nhẹ gia đình mặc dù rất thương yêu vợ. Đi sâu vào tác phẩm và cuộc đời nhà thơ, ta có thể thấy chìa khóa để lý giải sự đối lập nói trên chính là máu giang hồ, nhu cầu luôn xê dịch ở Tân Đà. Từ khi mới xây dựng gia đình (1915), Tân Đà đã không chịu được cảnh yên phận với vợ đẹp trong khuôn khổ gia đình. Lên đường! Lên đường! Trong *Giấc mộng con I* nhà thơ dựng nên một cảnh chia tay:

« Đường ngoài ga Hàng Cỏ tờ mờ sáng, có một người hành khách sắp bỏ đường xa, đồ hành trang trong một cái va-li. là ai? Thiếu niên âm sinh ở Sơn Tây, Nguyễn Khắc Hiếu đó. Khi ấy cái bực đương thức, các chỗ thân bằng, nhiều ông cùng ra tiễn. Lại một người thiếu phu đứng riêng tại một chỗ, thủy chung không có một tiếng nói, lệ hai hàng làm đám như cánh hoa lê hạt mưa điểm thời là tân hôn 16 tuổi, quê ở tại chùa Hương, sông Hát, mới cưới rằm tháng chạp năm thứ 9 Duy Tân ».

Ta nhận thấy ở đây một hiện thực: đang là *Giấc mộng con* soạn từ 1915 vào thời gian âm Hiếu mới lập gia đình với «tân hôn 16 tuổi» và Tân Đà đã kịp thời đưa bình ảnh vợ mới vào tiểu thuyết (hôn lễ tổ chức rằm tháng chạp) nhưng đưa vào một cảnh chia tay đề âm Hiếu mở đầu một chuyến giang hồ vòng quanh thế giới!

Màu giang hồ ở Tân Đà có thể bốc lên bất cứ lúc nào Tân Đà mê theo tiếng gọi đường trường hơn cái ấm cúng êm ngọt của một gia đình mới. Tết, cũng lên đường:

*Chơi xuân kể lại hành trình
Ngày Ba mươi tết hứng tình ra đi
Từ Bát Bạt qua Việt tri
Còn năm Kỷ tị còn thì tiết đóng
Canh thân ăn tết Thăng long
Sang ngày mồng Bốn vào trong Trung Kỳ*

(Chơi Huế)

Cuộc đời Tân Đà không hiếm những lết lữ thứ nay đó mai đây.

*Còn trời còn nước còn non
Tiền trình vạn lý anh còn chơi xa
Chơi cho biết mặt sơn hà
Cho sơn hà biết ai là mặt chơi*

(Chơi Huế)

Tân Đà thích giang hồ, nhưng ông đắm thắm với cảnh với người, khác với giang hồ của các nghệ sĩ. Thơ mới:

*Rũ áo phong sương trên gác trọ
Lặng nhìn thên hạ đón xuân sang*

(Thổ Lữ)

*Ta như cô khách khoáng đưu hiu
Đã gặp chiều hôm lại bước liêu...*

(Xuân Diệu)

Thích giang hồ, Tân Đà thừa hưởng quan niệm truyền thống: «Đi một ngày đàng học một sàng khôn». Nhà thơ khẳng định: «Càng đi rộng càng biết thêm» và ngay từ 1916 đã có một cách nhìn: «Than ôi! bên trời mặt bể, kẻ nước chân mây đã đều là những cái nhà học rất cao đẳng không cần thầy của các người du tử mà đồng cỏ, giới mây, sông băng núi tuyết lại là những nhà hát rất to hơn không cần phí cho các khách cao nhân» (GMC).

Với quan niệm ấy, Tân Đà cất bước lên đường, mở ra những cuộc hành trình vui vẻ:

*Một đi thêm một lạ lùng
Xe chui hầm tối, biển trùng sóng cao
Dưới đường sóng biển nhầy reo
Như mừng bạn mới như chào khách xa*

Lời thơ ấy reo hát niềm vui xê dịch

*Danh sơn gặp khách hữu tình
Đèo Ngang ơi hỡi là mình với ta!*

Con người với thiên nhiên cũng thắm thiết như con người với con người, như người yêu gặp người yêu.

*Chiều xuân êm ả như ru
Thuận xelại cứ đậm cù như bay
Càng vào mãi càng xinh thay
Càng trông cảnh vật đổi thay lạ thường*

Nhà thơ hòa điệu tâm hồn với thiên nhiên, nhà thơ đi đề yêu non sông đất nước, đi đề nhĩn điển non sông, « Đi cho biết mặt sơn hà ». Nhân diện non sông không chỉ là thiên nhiên địa lý, hình thế núi sông, cảnh sắc hữu tình và đa dạng

Tân Đà đã tiếp nhận, đã ghi nhớ và trân trọng tất cả những gì trong cuộc đời thường tưởng như là nhỏ nhặt, quá quen đến không ai để ý nhưng lại tạo hợp thành bộ mặt quê hương:

*Hà tươi cửa bể Tủa-ran
Lông xuyên chén mằm, Nghệ An quả cà
Sài Gòn nhớ vì cá tra
Cái xe song mã, quán trà Nhất thiên
Đa tình con mắt Phú Yên
Mẫu tỉnh rau bí, ông quyền Thuận An
Cơn ngấm Chợ lớn chưa tàn
Tiệc xoe lại có Văn Bàn, Vũ Lao*

và còn nhiều, nhiều nữa :

*Sơn dương, sò huyết Hòn Gai
Đồng Sành cá đồi, Giáp Lai lợn rừng
Vân quan, Hoành Linh xe tăng
Cồn lấu ca-nốt, trông chừng Mê-kông
Tuồng Bình Định, rạp Phú Phong
Ô Nam nước mằm, tình Đông chèo tàu...*

(Thủ án chơi)

Tân Đà dẫn ta cùng đi đề « biết mặt sơn hà » giúp ta có một bức tranh toàn cảnh về quê hương đất nước trong từng chi tiết độc đáo, cụ thể, có thể nói đó là bản đồ kinh tế — văn hóa hay sách bỏ túi của người du lịch.

Nhờ những chuyến đi dài, Tân Đà cảm thấy lòng yêu nước càng thêm thắm đượm, tinh thần dân tộc được nâng cao Nhà thơ tự nhận định:

« Rộng mắt nhận sơn hải mà nặng lòng chủng tộc giang sơn. Trèo lên đỉnh núi Hoành Sơn mà trông quanh ngoài bể trong non có hơn như phúc dưới đèn xanh dọc một thiên luận thuyết tự tôn vậy » (GML).

Nhà thơ yêu nhân dân mình, yêu đất nước mình cho nên ham mê những chuyến đi

Trên đường vào Huế, Tân Đà xúc động rạt rào

*Dọc đường dân chúng biết bao
Rượng tình hữu ái như rào trận mưa
Rồng Tiên cùng họ từ xưa
Ba mươi năm mới bây giờ gặp nhau*

(Chơi Huế)

Đó là cảm xúc tình người, tình «đồng chung đồng bào». Vào Hà Tĩnh thăm núi Sól, nhà thơ cùng nhân dân, cùng cae trẻ em vui về chuyện trò và : «... mình ôm lấy một đứa trẻ vào lòng, những đứa khác lại cũng tranh nhau xun đến để ngó vào lòng mình, có đứa quần áo mũ rũi rất bẩn thiu mà yêu thời cứ yểu».

Lúc chia tay : «Cơn vui đồng chung đồng bào, tưởng như ngư phủ Đào nguyên chưa hẳn có thú vui như thế vậy ! Tan một cuộc vui đó rồi đứng dậy từ biệt. Đây thuyền tống tiễn con cháu Tiên Rồng » (GML).

Qua Hải Vân quan nhà thơ cảm nghĩ :

*Giang sơn từ bấy đến nay
Nào trảng mặt bể nào mây trên ngàn
Ai xưa bên cù cón thuyền
Ơai linh thiêng cảnh, bản hoan khách du*

Nhà thơ thăm cửa Thuận An với bao xúc động về « thời đại suy đi, giang sơn biến cải », « trước kia hai nghìn quân đóng giữ Thuận An, bây giờ một tên linh trấn hải ». Tân Đà tới thăm nhà chí sĩ Phan Bội Châu lúc này bị chính quyền thực dân an trí ở Huế. Nhà thơ đi thăm Đòng Dương ở Quảng Nam —Đà Nẵng. Tân Đà ghé Bình Định thăm mộ nhà Tây Sơn, thập hương khăn vải trước đền thờ làm nao động cả quan nua một tỉnh.

Tân Đà cũng nói lên tâm sự của lãng tử trải cuộc đời trên những con đường.

*Tài cao phận thấp chi khi uât
Giang hồ mê chơi quên quê hương!*

(Thâm mà cu bên đường)

Chúng ta sẽ phân biệt ở Tân Đà có hai cách giang hồ hay hai phương thức xê dịch đối lập : giang hồ tự nguyện và xê dịch bất đắc dĩ, tức là làm sự bất đắc chí và bất mãn với thân thể và thời cuộc. Giang hồ tự nguyện là xê dịch theo thói thúc nội tâm.

Nhưng Tân Đà cũng luôn luôn bị bất buộc phải xê dịch, có thể nói bị cưỡng chế mà phải lên đường đi rồi thực sự trở thành một bó-hé-miêng vi hoàn cảnh và kéo theo cả gia đình cũng nay đó mai đây, trở thành, như Lê Thanh nói trong *Thi sĩ Tân Đà*, « cái đời của một gia đình giang hồ lãng sĩ » (tr 109) « Giang hồ » này biểu hiện đời sống lênh đênh, thân thể ba đào của nhà thơ « Ở không yên ổn chạy lung tung ».

*.. Khê thượng, Bật bạt về Hà Nội
Sái gòn, Vĩnh Yên, ra Hải Phòng
Bờ Hồ Hoàn kiếm, xuống Nam Định
Xê chợ Đồng Xuân, sang Hàng Bông
Phố tỉnh Sơn Tây, lại Khê thượng
Một tết Quảng Yên nay Hà Đông. .*

bởi :

*Khi làm chủ báo, lúc viết mướn
Hai chục năm đư cảnh khổn sàng*

(Tiên ông Công lên trời)

Một tâm sự thâm kín nữa đề này sinh những thanh điệu sâu cảm về những chuyến đi, đó là sự bất lực trong việc thực hiện lý tưởng mà lý tưởng ấy lại được chính những chuyến đi nâng cao lên, làm cho tha thiết hơn, đó là lý tưởng «bồi bức địa đồ rách» mà suốt đời nhà thơ ấp ủ. Nhà thơ bốn lần hết Bắc tới Nam, hết Đông sang Đoài đề rồi phải thú nhận:

*Biết bao ra Bắc vào Nam
Bức dư đồ rách đã cam khó lòng*

(Xuân Tộ)

Và tự thân:

« Hơn mười năm bút sắt bút lông, hao giấy mực chẳng ích gì cho xã hội ».

Trải ba xứ đường xe đường bẽ, trụi râu mày còn thẹn với giang sơn ».

Quả thực là Tần Đà đã khởi hành với một chiếc vali bẹp nhưng với một tấm lòng phồng căng tin và yêu, hăm hở tìm đến một giải thoát như một cánh bướm no gió lướt ra khơi. Nhưng rồi trải năm tháng cuộc đời, bốn lần chỉ đưa đến thất bại và thất bại, cho nên có thể nói âm điệu buồn sâu đã dần dần cùng với thời gian mà chen vào hành ca của thi sĩ lãng tử đề rồi cuối cùng lán át cả những âm sắc, những giai điệu reo vui thời trẻ. Càng đi, càng sống, càng giàu kinh nghiệm, càng buồn:

*Nam Bắc đã nên người duyệt lịch
Giang hồ đang chấu vị chua cay
Mười ba năm đó bao đầu bẽ
Góp lại canh trường một cuộc say*

(Về quê nhà cảm tác)

Như thế đó. Và như vậy là có mâu thuẫn trong tư tưởng Tần Đà dù chỉ xét riêng ở bình diện xê dịch. Mâu thuẫn phát triển theo quá trình tích lũy vốn sống và có thể nói: bản ngã lãng tử, chất giang hồ tiên thiên của nhà thơ là lạc quan là ham mê còn cuộc sống nếu nó đã ăn nạp chất bi quan vào khúc hát lên đường thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên bởi chính cuộc sống và bản ngã, — hiện thực xã hội và cái tôi Tần Đà, — đã không thể sống hòa thuận.

Cuối cùng là:

*Trần gian thước đất vẫn không có
Bút sắt chẳng hơn gì bút lông
Ngáy xanh như ngựa, đầu xanh bạc
Chấu cả giang hồ, hết cả ngóng*

(Tiên ông Công lên trời)

Đấy là vào năm 1938, một năm trước khi Tần Đà «gánh văn lên bán chợ Trời» mãn hạn của trích tiên lưu đây nơi hạ giới.